

Bản án số: 193/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 4 – 2021

“V/v ly hôn giữa  
Chị L và anh Lh”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH T, TỈNH AG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Kim Ph

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Văn T

2. Bà Nguyễn Thị K Ch

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Nguyễn Thị Nh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ph T, tỉnh AG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ph T tham gia phiên tòa:**

Ông Lưu Tiên D – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Ph T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* chị Phan Thị Minh L, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ : tổ 10, ấp Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Ph T, tỉnh AG.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Quách Thanh P của Văn phòng luật sư Quách P thuộc Đoàn Luật sư tỉnh AG (có đơn xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* anh Phan Văn Lh (tên gọi khác là Nu), sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 11, ấp Phú Hiệp, thị trấn Chợ Vàm, huyện Ph T, tỉnh AG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Phan Thị Minh L trình bày:

1. Quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu về tình cảm, năm 2000 chị và anh Phan Văn Lh (Nu) đồng ý kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn do anh Lh ăn chơi, thường hay gây sự và nhiều lần đánh chị, không chịu đựng được chị mang con đến Thành phố Hồ Chí Minh sống cùng em chồng. Từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019 chị và anh Lh ly thân, tháng 10/2019 anh Lh năn nỉ nên chị trở lại sống chung, nhưng anh Lh không sửa đổi, tính nết tật đó, chị tiếp tục bỏ đi, từ tháng 11/2020 đến nay chị và anh Lh ly thân. Nay, chị yêu cầu ly hôn anh Lh.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Hoàng Phi, sinh ngày 08/9/2009 chị L đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Lh cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 10/3/2021 chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Tại Bản tự khai ngày 29/4/2021 anh Phan Văn Lh (còn gọi Nu – là bị đơn) trình bày, năm 2000 anh và chị L kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn, anh đồng ý với trình bày của chị L tại Tòa án, anh không muốn ly hôn vì còn thương vợ và con. Hiện nay, chị L đang nuôi con Phan Hoàng Phi, sinh ngày 08/9/2009, anh đồng ý giao con cho chị L tiếp tục nuôi và phải cho con ăn học tử tế. Về chia tài sản và nợ chung không có. Anh Lh (Nu) đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại Bài phát biểu của Luật sư Quách Thanh P, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Phan thị Minh L và anh Phan Văn Lh (Nu) là vợ chồng, vì anh chị không có đăng lý kết hôn; giao con chung là cháu Phan Hoàng Phi cho chị L tiếp tục nuôi. Luật sư P đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị hội đồng xét xử không công nhận chị Phan Thị Minh L và anh Phan Văn Lh (Nu) là vợ chồng, vì anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình; về nuôi con chung: giao con chung tên Phan

Hoàng Phi, sinh ngày 08/9/2009 cho chị L nuôi dưỡng, anh Lh không cấp dưỡng cho con; chị L phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Phan Thị Minh L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn Lh (Nu), Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L, anh Lh (Nu) và Luật sư Quách Thanh P là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L, anh Lh và Luật sư P.

[2] Về nội dung:

[3] Năm 2000 chị L và anh Lh sống chung như vợ chồng, thời điểm này chị L 23 tuổi, anh Lh (còn gọi là Nu) 18 tuổi, anh Lh (Nu) chưa đủ tuổi kết hôn theo luật định, tại văn bản số 15/UBND-VP ngày 08/01/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm, huyện Ph T, tỉnh AG cho biết chị L và anh Lh chưa có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chợ Vàm. Nhưng căn cứ vào điểm d.1. khoản 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *“Nếu đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật cả hai bên đến tuổi kết hôn, trong thời gian đã qua họ chung sống bình thường đã có con, có tài sản chung thì không quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Nếu mới phát sinh mâu thuẫn và có yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì Tòa án thụ lý để giải quyết ly hôn theo thủ tục chung”*, do đó Tòa án không hủy việc kết hôn do không đủ tuổi, mà vẫn giải quyết ly hôn theo thủ tục chung.

[3] Tuy nhiên, khi đủ điều kiện kết hôn chị L và anh Lh (Nu) cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của anh chị là không hợp pháp, căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận chị Phan Thị Minh L và anh Phan Văn Lh (Nu) là vợ chồng.

[4] Về nuôi con chung: từ lúc ly thân đến nay chị L nuôi con có cuộc sống ổn định, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, cháu Phan Hoàng Phi có nguyện vọng sống với chị L, anh Lh cũng đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, đề nghị của Luật sư và của Kiểm sát viên, giao cháu Phi cho chị L tiếp tục nuôi. Anh Lh không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại

khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, nhưng chị L không yêu cầu anh Lh cấp dưỡng cho con là tự nguyện của chị, nên anh Lh không phải cấp dưỡng.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh Lh không trực tiếp nuôi con, anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị L phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

*Tuyên xử:*

1. Quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Phan Thị Minh L và anh Phan Văn Lh (tên gọi khác là Nu) là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: giao con chung tên Phan Hoàng Phi, sinh ngày 08/9/2009 cho chị L trực tiếp nuôi, chị L đang nuôi dưỡng. Anh Phan Văn Lh không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Lh không trực tiếp nuôi con, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị L và anh Lh (Nu) thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị L phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002345 ngày 07/01//2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ph T, tỉnh AG.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ph T;
- Cơ quan Thi hành án DS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Kim Ph**